TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG ANH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2023/DS-ST
Ngày 23/3/2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Triệu Thúy Hà**;

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Hoàng Hướng Dương**

Ông Nguyễn Hữu Đệ

Thư ký phiên tòa: Ông **Hoàng Minh Anh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Anh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa: **Bà Nguyễn Thùy Dung -** Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 15/2023/TLST- DS ngày 16 tháng 01 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2023/QĐXX–DSST ngày 27 tháng 2 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Khắc T, sinh năm 1958.

HKTT và nơi ở: Xóm Tân S, thôn Lại Đ, xã Đông H, huyện Đông A, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Ông Đỗ Văn H, sinh ngày 01/8/1963.

Địa chỉ: Số nhà 4, tổ 24, thị trấn Đông A, huyện Đông A, thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Ngô Thị Tú A - Vợ ông T.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông T: Bà Ngô Thị Thu T, ông Ngô Quốc H - Luật sư thuộc công ty luật TNHH Ngô T - Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

Có mặt ông T, bà Tú A, ông H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày đề ngày 04/10/2022 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Khắc T trình bày:

Từ ngày 19/10/2013 ông T có cho ông Đỗ Văn H vay số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng. Tiếp theo ngày 19/01/2014 ông H vay 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng. Ngày 19/03/2014 ông H vay 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng. Ngày 19/04/2014 ông H vay tiếp 100.000.000 (một trăm triệu) đồng. Ngày 19/07/2015 ông H vay 100.000.000 (một trăm triệu) đồng. Cả 05 lần đều có viết giấy vay tiền.

Ngày 19/01/2016, ông H vay thêm số tiền là 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng. Tổng số tiền vay từ đầu đến lúc này là 940.000.000 (chín trăm bốn mươi triệu) đồng. Đến ngày 19/03/2017 ông H vay thêm 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng. Như vậy tổng số tiền ông Nguyễn Khắc T cho ông Đỗ Văn H vay từ 19/10/2013 đến 19/03/2017 là 1.000.000.000 (một tỷ) đồng. Tuy nhiên, ở phần viết giấy vay ngày 19/01/2015 tổng số tiền ông H nợ là 940.000.000 (chín trăm bốn mươi triệu) đồng, ông H đã gạch chéo, do ông H đã ký xác nhận tổng số tiền vay là 1.000.000.000 (một tỷ) đồng ngày 19/03/2017.

Ngày 03/10/2018 ông H vay 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng. Ngày 19/06/2019 ông H vay thêm 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng. Tất cả những lần ông H vay đều có viết giấy vay tiền. Tổng số tiền ông H vay đến thời điểm này là 1.330.000.000 (một tỷ ba trăm ba mươi triệu) đồng.

Sau đó khoảng hơn 01 tháng từ thời điểm trên, ông T đã đề nghị ông H trả 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

Như vậy, tổng cộng số tiền ông Đỗ Văn H đã vay của ông Nguyễn Khắc T là 1.300.000.000 (một tỷ ba trăm triệu) đồng.

Đến kỳ trả lãi ngày 19/10/2020 ông H chưa trả. Mỗi lần vay tiền, ông H đều cam kết khi nào ông T có nhu cầu sử dụng, vợ chồng ông H sẽ có trách nhiệm hoàn trả đầy đủ và vợ chồng ông H hứa nếu sai sẽ chịu trách nhiệm trước gia đình ông T và pháp luật.

Nay ông T đã tuổi cao, sức khoẻ không được tốt, ốm đau liên tục nên rất cần kinh tế để đi chữa bệnh nên đã nhiều lần yêu cầu ông H phải trả số tiền ông H đã vay của gia đình ông T. Đến nay đã gần 02 năm nhưng vợ chồng ông H vẫn không trả cả gốc lẫn lãi cho gia đình ông T. Ông T đã gọi điện cho ông H rất nhiều lần nhưng không liên lạc được.

Vì vậy ông T làm đơn khởi kiện ra Toà, buộc vợ chồng ông Đỗ Văn H phải hoàn trả số tiền gốc và lãi đã vay của gia đình ông Nguyễn Khắc T.

Bị đơn ông Đỗ Văn H trình bày: Sau khi được Toà án nhân dân huyện Đông Anh thông báo về việc ông Nguyễn Khắc T khởi kiện về việc tranh chấp vay tài sản. Ông H tự nhận có vay của ông T số tiền là 1.300.000.000 (một tỷ ba trăm triệu) đồng. Hiện tại, do hoàn cảnh gia đình ông Đỗ Văn H đang rất khó khăn, do vậy ông

H mong muốn được trả dần số tiền gốc, cụ thể ông H sẽ xin đi làm để lấy tiền trả dần và mỗi tháng sẽ trả cho ông T 3.000.000 (ba triệu) đồng.

Ông H thừa nhận Hợp đồng vay có lãi nhưng không ghi cụ thể mức lãi suất. Hàng tháng ông vẫn trả lãi đầy đủ. Ngày 19/10/2020, ông không trả được nợ lãi. Nay ông H xin miễn toàn bộ nợ lãi.

Ông H xác định đây là nợ cá nhân, do ông thực hiện giao dịch, vợ ông không biết việc vay nợ nên không liên quan. Ông đề nghị không đưa vợ ông là bà Nguyễn Thị Thanh M tham gia tố tụng.

Tại phiên toà hôm nay: Nguyên đơn có mặt, giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Nguyên đơn đề nghị giải quyết về gốc lãi theo yêu cầu của pháp luật.

Ông Ngô Quốc H - Hợp đồng vay tiền là hợp pháp, bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bị đơn trả 1.300.000.000 đồng nợ gốc và lãi tính theo pháp luật. Buộc bị đơn phải tiếp tục chịu lãi trên dư nợ gốc theo lãi suất tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh phát biểu quan điểm:

***Về tố tụng*:** Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án được thụ lý đúng thẩm quyền; Tòa án đã xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng; Tòa án đã thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luậtTố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Phiên tòa diễn ra công khai, dân chủ, đề cập đến mọi vấn đề phải giải quyết trong vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 xét xử vắng mặt đương sự.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

***Về nội dung*:** Đề nghị Toà án tuyên:

Chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn.

Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải trả nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] <u>Về tố tụng</u>: Nguyên đơn ông Nguyễn Khắc T yêu cầu giải quyết tranh chấp về hợp đồng vay tài sản (tiền). Đây là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Đỗ Văn H cư trú tại huyện Đông A, như vậy thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân huyện Đông Anh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về tư cách tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Khắc T khởi kiện đối với ông Đỗ Văn H yêu cầu ông H trả nợ vì cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Do vậy, căn cứ khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự, ông H bị nguyên đơn khởi kiện nên tham gia tố tụng với tư cách bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Vợ chồng bà Ngô Thị Tú A và ông Nguyễn Khắc T cùng cho ông H vay tiền nên bà Tú A tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Tại Hợp đồng vay tiền, ông H giao dịch một mình, ông H xác định đây là nợ cá nhân nên không đưa vợ ông H tham gia tố tụng là có căn cứ.

Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự.

[2] <u>Về nội dung</u>:

- Xét yêu cầu của nguyên đơn: Ông Nguyễn Khắc T yêu cầu Tòa án giải quyết Tranh chấp về "Hợp đồng vay tài sản" đối với ông Đỗ Văn H. Căn cứ để ông Thạch yêu cầu là các "Giấy biên nhận vay tiền" được ông H ký, được lập vào các ngày 19/10/2013; 19/01/2014; 19/3/2014; 19/9/2014; 19/7/2015; 19/01/2016; 19/3/2017; 03/10/2018; 19/6/2019.

Toàn văn các Giấy biên nhận vay tiền như sau:

- <u>Giấy biên nhận vay tiền ngày 19/10/2013 (dương)</u>

"Tôi là Đỗ Văn H; CMT số 0010488145. Trú quán: Tổ 53 thị trấn Đông A, Hà Nội. Vợ: Nguyễn Thị Thanh M.

Có nhận vay của anh Nguyễn Khắc T trú quán: Xóm Tân S, Lại Đ, Đông H, Đông A, Hà Nội. Vợ: chị Ngô Thị Tú A số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng chẵn).

Tôi có trách nhiệm thanh toán lãi vào ngày này hàng tháng.

Khi nào anh, chị có nhu cầu sử dụng, vợ chồng tôi có trách nhiệm hoàn trả. Nếu sai vợ chồng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước anh chị cũng như pháp luật. Ký tên Đỗ Văn H."

- <u>Giấy biên nhận vay tiền ngày 19/01/2014</u>:

"Tại nhà tôi Đỗ Văn H, số 4 tổ 53 Thị trấn Đông A, Hà Nội. Tôi có vay của anh Nguyễn Khắc T trú quán: Thôn Lại Đ, xã Đông H, Đông A, Hà Nội số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu đồng chẵn). Để phục vụ kinh doan, sản xuất theo thoả thuận, khi nào cần tôi có trách nhiệm thanh toán đầy đủ. Nếu sai tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm trước cá nhân anh chị cũng như trước pháp luật. Ký tên Đỗ Văn H".

- Giấy biên nhận vay tiền ngày 19/3/2014:

"Tại nhà tôi Đỗ Văn H + Nguyễn Thanh M: tổ 53 Thị trấn Đông A, Hà Nội. Tôi có nhận vay của anh Nguyễn Khắc T + chị Ngô Thị Tú A xóm Tân S, Lại Đ, Đông A, Hà Nội số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu đồng chẵn). Khi nào anh chị có nhu cầu, vợ chồng em có trách nhiệm hoàn trả. Nếu sai vợ chồng em xin chịu trách nhiệm trước pháp luật và vợ chồng anh chị. Ký tên Đỗ Văn H".

- Giấy biên nhận vay tiền ngày 19/9/2014 :

"Hôm nay 19/9/2014 tại nhà riêng của tôi: Đỗ Văn H trú quán: tổ 53 Thị trấn Đông A, Hà Nội. Có vay của anh T, chị Tú A trú quán: thôn Lại Đ, xã Đông H, Đông A, Hà Nội số tiền 800.000.000 (tám trăm triệu đồng) để phục vụ kinh doanh, lãi suất theo thoả thuận. Khi nào anh chị có nhu cầu sử dụng, vợ chồng tôi có trách nhiệm hoàn trả. Nếu sai chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước gia đình anh chị cũng như trước pháp luật. Ký tên Đỗ Văn H"

- Giấy vay tiền ngày 19/7/2015:

"Vay thêm của anh T + chị Tú A: 100.000.000 (một trăm triệu đồng) Tổng cộng: 900.000.000 (chín trăm triệu đồng). Ký tên Đỗ Văn H"

- Giấy vay tiền ngày 19/01/2016: *"Từ 19/01/2016 có 940.000.000 (chín trăm bốn mươi triệu đồng). Ký tên H." (đã bị ông H đã gạch chéo, do ông H đã ký xác nhận tổng số tiền vay là 1.000.000.000 (một tỷ) đồng ngày 19/03/2017.*

- Giấy vay tiền ngày 19/3/2017:*"Từ 19/3/2017 gửi thêm 60.000.000 (sáu mươi triệu đồng). Tổng cộng 1.000.000.000 (một tỷ đồng chẵn). Ký tên H."*

- Giấy vay tiền ngày 03/10/2018: *"Anh T, chị Tú A đưa thêm, 300.000.000 (ba trăm triệu đồng chẵn). Tổng số tiền là 1.300.000.000 (một tỷ ba trăm triệu đồng) Ký tên Đỗ Văn H."*

-Giấy vay tiền ngày 19/6/2019: *"Gửi thêm 30.000.000 tổng số là 1.330.000.000 (một tỷ ba trăm ba mươi triệu đồng chẵn)."*

Quá trình thực hiện hợp đồng vay, ông H trả được một phần nợ gốc, nợ lãi trả đến tháng 9/2020. Kì trả nợ vào ngày 19/10/2020, ông H vi phạm nghĩa vụ trả nợ lãi. Ông T đã yêu cầu ông H phải trả số tiền gốc và lãi cho ông H nhưng ông H không trả được. Ông H thừa nhận vi phạm toàn bộ nghĩa vụ trả nợ do kinh tế khó khăn.

Xét các Giấy biên nhận vay tiền thấy: Ông H đã viết giấy biên nhận vay tiền với ông T, tổng số tiền là 1.330.000.000 (một tỷ ba trăm ba mươi triệu) đồng, hợp

đồng vay không xác định thời hạn trả nợ, lãi suất thỏa thuận nhưng không ghi cụ thể. Xác định giao dịch vay tiền là Hợp đồng vay tài sản (tiền) được xác lập giữa ông T, bà Tú A với cá nhân ông H là tự nguyện, các bên có đủ năng lực hành vi dân sự, hợp đồng vay được được lập thành văn bản, nội dung xác nhận về quyền và nghĩa vụ của các bên trong giao dịch vay tiền phù hợp pháp luật, và không trái đạo đức xã hội. Do vậy, xác định các Giấy biên nhận vay tiền là Hợp đồng vay tài sản hợp pháp theo quy định tại Điều 463- Bộ luật Dân sự.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay tiền, Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ của bên cho vay, bị đơn đã thực hiện một phần nghĩa vụ trả nợ gốc 30.000.000 đồng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ lãi vào ngày 19/10/2020. Theo quy định tại khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự, "..bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào..". Bên vay có nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự. Do các bên không thỏa thuận cụ thể lãi suất nên nguyên đơn yêu cầu áp dụng lãi suất theo quy định pháp luật là 10%/năm theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự là phù hợp pháp luật.

Xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, được chấp nhận. Buộc bị đơn ông Đỗ Văn H phải trả ông Nguyễn Khắc T, bà Ngô Thị Tú A 1.300.000.000 (một tỷ ba trăm triệu) đồng nợ gốc và nợ lãi tính từ ngày 20/10/2020 đến thời điểm xét xử là 02 năm 05 tháng 03 ngày là: 325.333.333 đồng.

Tổng cộng: 1.625.333.333 đồng.

[3] ***<u>Về án phí</u>***: Yêu cầu của Nguyên đơn được chấp nhận một phần nên theo quy định tại Nghị quyết 326/2016 quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 60.760.000 đồng.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 12; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 các Điều 35, 39; khoản 1 Điều 147; Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự ;

- Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự 2015 ;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

<u>Xử</u>:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Khắc T.

Buộc Bị đơn ông Đỗ Văn H trả nguyên đơn ông Nguyễn Khắc T, bà Ngô Thị Tú A 1.300.000.000 (một tỷ ba trăm triệu) đồng nợ gốc và 325.333.333 đồng nợ lãi. **Tổng cộng:** 1.625.333.333 đồng.

2. Về án phí: Bị đơn ông Đỗ Văn H phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là

60.760.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 10%/năm quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án.

Nơi nhận:
-TAND thành phố Hà Nội
-VKSND thành phố Hà Nội
- VKSND huyện Đông Anh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Đông Anh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Triệu Thúy Hà